

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2026/DS-ST

Ngày: 27 - 7 - 2026

V/v tranh chấp về dân sự
hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Liệt.
- Ông Nguyễn Hoàng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chí Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02, 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026, về việc “*Tranh chấp về dân sự hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 145/2026/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2026, Thông báo về thay đổi thời gian mở phiên tòa số 46/TB-TA ngày 10 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (Viết tắt là Ngân hàng H1).

Trụ sở chính: Số B Bis N, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thiện H. Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đ1 (Theo Văn bản ủy quyền số 2288A/2025/QĐ-TGĐ ngày 13/5/2025).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Thiện H: Ông Nguyễn Trí T1, chức vụ: Chuyên viên QH.KHCN H1 - CN Đồng Tháp (Theo Văn bản ủy quyền số 70/2026/UQ-CNĐT ngày 06/3/2026).

Địa chỉ: Số A L, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Phạm Tiến Đ, sinh ngày 1988.

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện T (nay là ấp T, xã T), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có mặt tại phiên tòa.

Ông Phạm Tiến Đ vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2026, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, có người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Trí T1 trình bày: Ngày 08/3/2023, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và ông Phạm Tiến Đ ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm - dịch vụ, nội dung ông Đ đăng ký mở, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm - dịch vụ ngày 08/3/2023 không nêu số tiền vay, lãi suất vay và thời hạn vay tiền, nhưng tại khoản 3 mục V quy định: “Bằng việc ký vào giấy đề nghị này, Tôi/chúng tôi đồng ý việc H1 chủ động xem xét cấp hạn mức và phát hành thẻ tín dụng cho Tôi/chúng tôi với hạn mức, thời hạn, lãi suất ... theo quy định của H1. Khi Tôi/chúng tôi kích hoạt thành công thẻ tín dụng, Tôi/chúng tôi đồng ý việc sử dụng thẻ tín dụng và cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định tại Giấy đề nghị này, các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và các văn bản có giá trị tương đương”.

Theo quy định Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thì tại thời điểm ông Đ ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm - dịch vụ ngày 08/3/2023 thì số khoản cấp tín dụng của ông Đ chịu lãi suất trong hạn là 33%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất đối với tiền lãi chậm trả là 10%/năm, thời hạn vay là 36 tháng. Hình thức trả tiền là trả tiền gốc và tiền lãi hàng tháng.

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã giao cho ông Đ 01 thẻ tín dụng có hạn mức là 95.000.000 đồng. Ông Đ đã rút tiền trong thẻ tín dụng và trả nợ theo thỏa thuận. Đến ngày 15/8/2023 thì ông Đ ngưng trả nợ vay gốc và lãi, còn thiếu số tiền vay gốc là 89.237.016 đồng. Đến ngày 31/8/2023, ông Đ ngưng không trả thêm khoản tiền lãi và tiền gốc nào.

Nay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu ông Phạm Tiến Đ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc và tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả lãi tạm tính đến ngày 27/7/2026 tổng cộng là 290.300.326 đồng trong đó: số tiền gốc là 89.237.016 đồng, tiền lãi trong hạn là 104.787.572 đồng, tiền lãi quá hạn là 77.815.900 đồng, tiền lãi chậm trả lãi là 18.459.838 đồng; đồng thời, yêu cầu ông Đ phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ còn lại theo thỏa thuận tại giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm - dịch vụ ngày 08/3/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Bị đơn ông Phạm Tiến Đ: Ông Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Đ đều vắng mặt, không có lý do và không

cung cấp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của ông Đ theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Đ không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H: Buộc ông Phạm Tiến Đ chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền vay gốc là 89.237.01 đồng và các khoản tiền lãi gồm tiền lãi trong hạn là 104.787.572 đồng, tiền lãi quá hạn là 77.815.900 đồng, tiền lãi chậm trả lãi là 18.459.838 đồng, tổng cộng là 290.300.326 đồng và tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ còn lại theo thỏa thuận tại giấy đề nghị kèm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm - dịch vụ ngày 08/3/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về dân sự hợp đồng tín dụng*”, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn ông Phạm Tiến Đ cư trú tại ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp, nên nguyên đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án nơi bị đơn cư trú là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 (nay là khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025) và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Bị đơn ông Phạm Tiến Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H xác định Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Phạm Tiến Đ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/7/2026 số tiền gốc là 89.237.016 đồng, tiền lãi là 201.063.310 đồng, tổng cộng là 290.300.326 đồng; đồng thời, yêu cầu ông Đ phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ còn lại theo thỏa thuận tại giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm - dịch vụ ngày 08/3/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Căn cứ vào đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm - dịch vụ ngày 08/3/2023, có cơ sở xác định Ngân hàng có cho ông Đ vay tiền với hình thức cấp thẻ tín dụng cá nhân, hạn mức tín dụng là 95.000.000 đồng. Nội dung đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm - dịch vụ ngày 08/3/2023 cho thấy tại thời điểm Ngân hàng cho ông Đ vay tiền thì các bên đều tự nguyện, có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch về việc vay tiền, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Căn cứ vào các bảng sao kê tín dụng hàng tháng và phiếu chiết tính lãi thẻ tín dụng của Ngân hàng, thể hiện ông Đ đã rút tiền từ thẻ tín dụng và còn nợ số tiền gốc là 89.237.016 đồng và đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đến hạn thanh toán vào kỳ sao kê tháng 8/2023 từ ngày 15/08/2023 và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi khi đến cuối kỳ hạn thanh toán vào ngày 31/8/2023. Như vậy, ông Đ đã vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Đ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 89.237.016 đồng là phù hợp quy định pháp luật.

Về lãi suất, tại đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm - dịch vụ ngày 08/3/2023, giữa Ngân hàng và ông Đ có thỏa thuận: *“Bằng việc ký vào giấy đề nghị này, Tôi/chúng tôi đồng ý việc H1 chủ động xem xét cấp hạn mức và phát hành thẻ tín dụng cho Tôi/chúng tôi với hạn mức, thời hạn, lãi suất ... theo quy định của H1. Khi Tôi/chúng tôi kích hoạt thành công thẻ tín dụng, Tôi/chúng tôi đồng ý việc sử dụng thẻ tín dụng và cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định tại Giấy đề nghị này, các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và các văn bản có giá trị tương đương”*. Theo thỏa thuận, ông Đ có trách nhiệm trả tiền lãi trong hạn, nếu quá hạn thì trả tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả lãi theo quy định của Ngân hàng. Tại thời điểm ông Đ ký đề nghị ngày 08/3/2023 thì Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Như vậy, thỏa thuận về tiền lãi giữa ngân hàng với ông Đ là phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên, đến nay ông Đ không thực nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng đầy đủ. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Đ trả số tiền lãi tính đến ngày 27/7/2026 và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm - dịch vụ ngày 08/3/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc là có căn cứ.

Ngân hàng C và chữ viết họ tên của người sử dụng thẻ tín dụng tại đề nghị kiểm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm - dịch vụ ngày 08/3/2023 là của ông Phạm Tiến Đ; đồng thời, cam đoan ông Đ là người sử dụng thẻ tín dụng với ông Đ là bị đơn trong vụ án là cùng một người, nếu sau này phát sinh tranh chấp việc ông Đ đã trả xong tiền nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Ông Phạm Tiến Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng ông Đ không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến, yêu cầu của ông Đ.

Từ các nhận định nêu trên, căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Phạm Tiến Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 (nay là khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025), điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

Buộc ông Phạm Tiến Đ trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền gốc là 89.237.016 đồng (T2 mươi chín triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm mười sáu đồng), tiền lãi là 201.063.310 đồng (Hai trăm lẻ một triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm mười đồng), tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 290.300.326 đồng (Hai trăm chín mươi triệu, ba trăm nghìn, ba trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Phạm Tiến Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn, tiền phí của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H thì lãi suất mà ông Phạm Tiến Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Phạm Tiến Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.515.000 đồng (Mười bốn triệu, năm trăm mười lăm nghìn đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.872.000 đồng (Một triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004542 ngày 31/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/7/2026). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 11 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thùy Trang